

Bản án số: 15/2025/HSST

Ngày: 27-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hợp;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Văn Công Trọn;

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Hương, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Quách Văn H; sinh năm 1980 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn K và bà Nguyễn Thị N; bị cáo có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Phạm Vũ A; sinh năm 1990 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P và bà Võ Thị K1; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Ông Dương Văn C, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 05 tháng 11 năm 2024, Phan Vũ A1 và Quách Văn H điều khiển võ máy ra vùng biển thuộc ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau để thăm lú nhưng phát hiện lú bị mất cắp nên H nảy sinh ý định đi trộm lú của người khác, sau khi trao đổi với Vũ A1 thì cả hai thống nhất đi tìm lú của người khác để lấy trộm về sử dụng. H điều khiển võ máy chở Vũ A1 về hướng cửa biển M khoảng 3km thuộc vùng biển của xã P huyện T, tỉnh Cà Mau thì phát hiện lú của anh Dương Văn C đang đặt tại vị trí này và trong tình trạng không có người trông giữ, H dùng dao cán vàng có sẵn trên vỏ cắt dây lú và kéo lên võ của mình, sắp xếp lú ngay ngắn trên võ, lấy trộm được 75 cái lú; ngày 06 tháng 11 năm 2024 C phát hiện H và Vũ A1 lấy trộm lú nên cả hai bị cáo đã giao trả lại cho C 75 cái lú nêu trên. Ngày 13 tháng 11 năm 2024 C phát hiện H và Anh tiếp tục trộm thêm 38 cái lú của mình nên, sau khi phát hiện H và A1 điều khiển phương tiện bỏ chốn, C trình báo sự việc mất trộm cho công an. Quá trình điều tra H và A1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình, giao nộp toàn bộ tài sản lấy trộm.

Vật chứng thu giữ: 113 cái lú huế, 01 vỏ Composite hiệu Trọng Sỹ dài 9,2m, 01 máy xe 4T có dàn cầu bằng kim loại màu trắng, 01 cây dao loại dao thái lan dài 21cm có cán nhựa màu vàng; số lú trên hiện đã được cơ quan điều tra Công an huyện T giao trả lại cho bị hại.

Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 19 tháng 11 tháng 2024 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân huyện P kết luận tổng số tiền bị thiệt hại là: 4.408.615 đồng.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau truy tố Quách Văn H, Phạm Vũ A về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời giữ nguyên quyết định đã truy tố các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H từ 06 tháng đến 12 tháng tù, bị cáo Vũ A từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Phía bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 cây dao loại dao Thái lan dài 21cm có cán nhựa màu vàng do không còn giá trị sử dụng hoặc giá trị sử dụng không lớn; trả lại cho bị cáo H 01 vỏ Composite hiệu Trọng Sỹ dài 9,2m, 01 máy xe 4T có dàn cầu bằng kim loại màu trắng.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, chỉ yêu cầu Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua đó thể hiện: Ngày 05 tháng 11 năm 2024, các bị cáo đã có hành vi lén lút trộm tài sản là 113 cái lú của ông Dương Văn C với giá trị tài sản theo định giá là 4.408.615 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền quản lý và sở hữu tài sản hợp pháp của ông C là khách thể được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, các bị cáo Quách Văn H Phạm Vũ A đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn T truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo là người hạn chế về nhận thức pháp luật, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, riêng bị cáo H còn có con nhỏ, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do đó Hội đồng xét xử cân nhắc cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H, Vũ A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản được nảy sinh từ ý định của bị cáo H, chính H là người lên kế hoạch và dùng phương tiện của mình để rủ rê bị cáo Vũ A cùng thực hiện hành vi lấy trộm lú của anh C, do đó vai trò của bị cáo H là lớn hơn so với bị cáo Vũ A nên khi lượng hình cần xem xét áp dụng hình phạt tương xứng với vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng do muốn hưởng thụ tài sản của người khác mà không cân bỏ công sức lao động nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền quản lý và sở hữu tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo không những vi phạm pháp luật hình sự mà còn gây tâm lý lo sợ cho bị hại cũng như gây hoang mang dư luận tại địa phương. Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly các bị cáo khỏi

xã hội một thời gian để răn đe giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, cả hai bị cáo H, Anh đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cũng cần cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có cơ sở. Xét về tính chất của hành vi phạm tội, như đã phân tích nêu trên về vai trò của bị cáo H lớn hơn bị cáo Vũ A nên cần áp dụng mức hình phạt nặng hơn so với bị cáo Vũ A là phù hợp với tính chất của hành vi phạm tội đối với từng bị cáo, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng mức hình phạt khởi khung đối với bị cáo Vũ A là phù hợp với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo, đồng thời đảm bảo được tính răn đe và tính khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm trong vụ án, không có yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Qua xem xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Đối với vật chứng là toàn bộ số lú đã trộm thu giữ được trong quá trình điều tra đã được Cơ quan điều tra Công an huyện T xử lý xong bằng hình thức giao trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với vật chứng là 01 cây dao loại dao Thái lan dài 21cm có cán nhựa màu vàng là dụng cụ phạm tội, giá trị sử dụng không còn nên cần tịch thu tiêu huỷ. Đối với 01 vỏ Composite hiệu Trọng Sỹ dài 9,2m, 01 máy xe 4T có dàn cầu bằng kim loại màu trắng hiện vẫn còn có giá trị, Hội đồng xét xử xét thấy đây là công cụ lao động chính tạo ra thu nhập phục vụ cuộc sống cho tất cả các thành viên gia đình bị cáo H nên cần giao trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo H và Anh mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Quách Văn H và Phạm Vũ A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Quách Văn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Vũ A 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về vật chứng: `

- Trả lại bị cáo Quách Văn H 01 vỏ Composite hiệu Trọng Sỹ dài 9,2m; 01 máy xe 4T có dàn cầu bằng kim loại màu trắng;

- Tịch thu tiêu huỷ 01 cây dao loại dao Thái lan dài 21cm có cán nhựa màu vàng.

Các vật chứng trên được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời. Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 01 năm 2025 và ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời và Cơ quan điều tra Công an huyện T.

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Quách Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo Phạm Vũ A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- CAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp